

Số: 1586 /QĐ - NHNN

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Nhà nước

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này:

1. Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Nhà nước.
2. Danh mục thủ tục hành chính không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 2. Văn phòng Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm cập nhật, công bố các thủ tục hành chính mới phát sinh, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ thực hiện/(không thực hiện) tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ Thông tin & Truyền thông ;
- Bộ Nội vụ (Vụ Cải cách hành chính);
- Tổng công ty Bưu điện Việt Nam;
- Lưu: VP, VP4, VP5.

KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC



Đào Minh Tú

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN VÀ KHÔNG THỰC HIỆN TIẾP
NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 1586/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 7 năm 2017
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

A. DANH MỤC TTHC THỰC HIỆN QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC
I.	THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG	
I.1	Lĩnh vực hoạt động tiền tệ (TW)	
1.	Thủ tục chấp thuận cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho vay bằng ngoại tệ đối với từng trường hợp cụ thể	B-NHA-285007-TT
2.	Thủ tục thông báo hạn mức chiết khấu giấy tờ có giá của NHNN đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	B-NHA-196286-TT
3.	Thủ tục đề nghị vay tái cấp vốn theo Quyết định số 540/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách tín dụng đối với người nuôi tôm và cá tra	B-NHA-266200-TT
4.	Thủ tục chấp thuận đề nghị phát hành trái phiếu của năm tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	B-NHA-254763-TT
5.	Thủ tục chấp thuận gia hạn khoản vay cầm cố giấy tờ có giá tại tổ chức tín dụng	B-NHA-183817-TT
6.	Thủ tục chấp thuận thay đổi giấy tờ có giá đang cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước	B-NHA-183525-TT
7.	Thủ tục vay tái cấp vốn theo hình thức có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng	B-NHA-183522-TT
8.	Thủ tục công nhận thành viên nghiệp vụ thị trường mở	B-NHA-285017-TT
9.	Thủ tục chấm dứt tư cách thành viên nghiệp vụ thị trường mở	B-NHA-285016-TT
10.	Thủ tục chấp thuận cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho vay bằng ngoại tệ đối với từng trường hợp cụ thể	B-NHA-252217-TT
I.2	Lĩnh vực hoạt động ngoại hối (FW)	
11.	Thủ tục đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức kinh tế	B-NHA-254786-TT
12.	Thủ tục đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức kinh tế	B-NHA-254789-TT
13.	Thủ tục đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	B-NHA-254799-TT
14.	Thủ tục đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức kinh tế/tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	B-NHA-254802-TT
15.	Thủ tục chấp thuận hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước	B-NHA-265782-TT
16.	Thủ tục chấp thuận hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường quốc tế	B-NHA-265792-TT
17.	Thủ tục chấp thuận cho phép thực hiện có thời hạn các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và quốc tế	B-NHA-265800-TT
18.	Thủ tục chấp thuận cho phép tiếp tục thực hiện có thời hạn các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và quốc tế	B-NHA-265808-TT

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC
19.	Thủ tục chuyển đổi hoạt động ngoại hối	B-NHA-265814-TT
20.	Thủ tục Đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức tín dụng	B-NHA-196972-TT
21.	Thủ tục đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức tín dụng	B-NHA-196962-TT
22.	Thủ tục đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch hối đoái với NHNN của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	B-NHA-196284-TT
23.	Thủ tục đăng ký tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư là tổ chức tín dụng	B-NHA-254770-TT
24.	Thủ tục cấp giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài đối với người cư trú là tổ chức kinh tế có chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài hoặc có nhu cầu mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để tiếp nhận vốn vay nước ngoài, để thực hiện cam kết, hợp đồng với bên nước ngoài	B-NHA-183642-TT
25.	Thủ tục cấp giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài (đối với người cư trú là cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, Quỹ từ thiện của Việt Nam hoạt động tại Việt Nam)	B-NHA-001797-TT
26.	Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để đáp ứng các điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động cho văn phòng đại diện chi nhánh, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của TCTD được phép.	B-NHA-284997-TT
27.	Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để phục vụ hoạt động của văn phòng đại diện ở nước ngoài của TCTD được phép	B-NHA-284998-TT
28.	Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để đáp ứng các điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của tổ chức kinh tế	B-NHA-284999-TT
29.	Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để phục vụ hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của tổ chức kinh tế	B-NHA-285000-TT
30.	Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để phục vụ việc thực hiện khoản vay nước ngoài của bên đi vay nước ngoài	B-NHA-285001-TT
31.	Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của doanh nghiệp thuộc diện đầu tư đặc biệt quan trọng theo chương trình của Chính phủ, doanh nghiệp đầu tư dưới hình thức đối tác công tư (PPP) mở tài khoản để phục vụ việc thực hiện cam kết với bên nước ngoài	B-NHA-285002-TT
32.	Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để phục vụ việc thực hiện cam kết, thỏa thuận, hợp đồng với bên nước ngoài (không bao gồm việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản vay nước ngoài theo yêu cầu của bên cho vay nước ngoài)	B-NHA-285003-TT
33.	Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để tiếp nhận viện trợ, tài trợ nước ngoài hoặc các trường hợp khác được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép của các cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện của VN hoạt động tại VN	B-NHA-285004-TT
34.	Thủ tục cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để đáp ứng các điều kiện xin cấp	B-NHA-285005-TT

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC
	phép thành lập và hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của TCTD được phép, tổ chức kinh tế	
35.	Thủ tục cấp quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để phục vụ hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của TCTD được phép, tổ chức kinh tế	B-NHA-285019-TT
36.	Thủ tục cấp quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản vay nước ngoài của bên đi vay nước ngoài	B-NHA-285020-TT
37.	Thủ tục cấp quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của doanh nghiệp thuộc diện đầu tư đặc biệt quan trọng theo chương trình của Chính phủ; doanh nghiệp đầu tư dưới hình thức đối tác công tư (PPP) mở tài khoản để thực hiện cam kết với bên nước ngoài	B-NHA-285021-TT
38.	Thủ tục cấp quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện cam kết, thỏa thuận, hợp đồng với bên nước ngoài (không bao gồm việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản vay nước ngoài theo yêu cầu của bên cho vay nước ngoài)	B-NHA-285022-TT
39.	Thủ tục cấp quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để tiếp nhận viện trợ, tài trợ của nước ngoài hoặc các trường hợp khác được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép của các cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện của VN hoạt động tại VN.	B-NHA-285023-TT
40.	Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài	B-NHA-285024-TT
41.	Thủ tục đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư là Tổ chức tín dụng	B-NHA-254774-TT
42.	Thủ tục đăng ký chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư của Nhà đầu tư thực hiện đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí	B-NHA-254783-TT
43.	Thủ tục xác nhận hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế đối với doanh nghiệp không phải là ngân hàng thương mại Nhà nước	B-NHA-243716-TT
44.	Thủ tục xác nhận hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế đối với ngân hàng thương mại Nhà nước	B-NHA-243736-TT
45.	Thủ tục thẩm định phương án phát hành trái phiếu quốc tế của ngân hàng thương mại Nhà nước	B-NHA-243740-TT
46.	Thủ tục đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh	B-NHA-243746-TT
47.	Thủ tục đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh	B-NHA-243753-TT
48.	Thủ tục đăng ký khoản vay nước ngoài/khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh	B-NHA-245928-TT
49.	Thủ tục đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài/khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh	B-NHA-245984-TT
50.	Thủ tục thiết lập/thiết lập lại quan hệ giao dịch mua, bán vàng miếng với NHNN	B-NHA-231118-TT
51.	Thủ tục thông báo thay đổi người đại diện giao dịch mua, bán vàng	B-NHA-231123-TT

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC
	miếng với Ngân hàng Nhà nước của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp	
52.	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng áp dụng cho doanh nghiệp	B-NHA-205375-TT
53.	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam	B-NHA-205484-TT
54.	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng	B-NHA-205441-TT
55.	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ	B-NHA-205434-TT
56.	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng áp dụng cho tổ chức tín dụng	B-NHA-205413-TT
57.	Thủ tục thay đổi nội dung về thông tin doanh nghiệp trên Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng	B-NHA-285078-TT
58.	Thủ tục thay đổi tên, địa chỉ của địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng đã được cấp phép	B-NHA-285079-TT
59.	Thủ tục bổ sung địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng	B-NHA-285080-TT
60.	Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng	B-NHA-285081-TT
61.	Thủ tục đề nghị được chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng tại địa điểm đã được cấp phép	B-NHA-285082-TT
62.	Thủ tục đăng ký hạn mức nhận ủy thác tạm thời	B-NHA-285072-TT
63.	Thủ tục đăng ký hạn mức nhận ủy thác	B-NHA-285071-TT
64.	Thủ tục đăng ký hạn mức tự doanh tạm thời	B-NHA-285070-TT
65.	Thủ tục đăng ký hạn mức tự doanh	B-NHA-285069-TT
66.	Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với tổ chức nhận ủy thác là ngân hàng thương mại	B-NHA-285068-TT
67.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với tổ chức nhận ủy thác là ngân hàng thương mại	B-NHA-285067-TT
68.	Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với tổ chức tự doanh là ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp.	B-NHA-285066-TT
69.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với tổ chức tự doanh là ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp.	B-NHA-285065-TT
70.	Thủ tục đăng ký thực hiện chương trình thương cổ phiếu phát hành ở nước ngoài có đối tượng tham gia là người lao động có quốc tịch Việt Nam.	B-NHA-285064-TT
71.	Thủ tục đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với các trường hợp đầu tư khác quy định tại Điều 9 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP	B-NHA-285063-TT
72.	Thủ tục chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	B-NHA-285025-TT
73.	Thủ tục chấp thuận thay đổi, bổ sung trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	B-NHA-285026-TT
74.	Thủ tục chấp thuận gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	B-NHA-285027-TT
75.	Thủ tục chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	B-NHA-285028-TT

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC
76.	Thủ tục chấp thuận thay đổi, bổ sung đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	B-NHA-285029-TT
77.	Thủ tục chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	B-NHA-285030-TT
78.	Thủ tục chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam	B-NHA-285006-TT
I.3	Lĩnh vực cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng (TW)	
79.	Thủ tục thu hồi Giấy phép của Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng	B-NHA-190506-TT
80.	Thủ tục gia hạn thời hạn thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	B-NHA-190501-TT
81.	Thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	B-NHA-190473-TT
82.	Thủ tục đề nghị xác nhận đăng ký nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của ngân hàng thương mại	B-NHA-188100-TT
83.	Thủ tục chấp thuận sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép đối với Ngân hàng thương mại Nhà nước	B-NHA-183946-TT
84.	Thủ tục chấp thuận mua lại cổ phần làm giảm mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ.	B-NHA-183949-TT
85.	Thủ tục chấp thuận tăng mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ	B-NHA-183948-TT
86.	Thủ tục chấp thuận việc chuyển nhượng cổ phần của ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ	B-NHA-183950-TT
87.	Thủ tục chấp thuận cho ngân hàng thương mại Việt Nam bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài	B-NHA-183509-TT
88.	Thủ tục chấp thuận thành lập công ty chứng khoán của ngân hàng thương mại	B-NHA-003699-TT
89.	Thủ tục chấp thuận thành lập Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc ngân hàng thương mại nhà nước	B-NHA-003700-TT
90.	Thủ tục chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước và nước ngoài của tổ chức tín dụng cổ phần.	B-NHA-217701-TT
91.	Thủ tục chấp thuận thành lập công ty kiều hối trực thuộc ngân hàng thương mại cổ phần	B-NHA-183520-TT
92.	Thủ tục đề nghị cấp lại bản sao Giấy phép từ sổ gốc của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng	B-NHA-188103-TT
93.	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần	B-NHA-187964-TT
94.	Thủ tục ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị cấp đổi Giấy phép	B-NHA-284993-TT
95.	Thủ tục ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép	B-NHA-284994-TT
96.	Thủ tục ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đồng thời đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép Thành lập và hoạt động ngân hàng	B-NHA-284995-TT
97.	Thủ tục chấp thuận đủ điều kiện thành lập chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại	B-NHA-245987-TT
98.	Thủ tục chấp thuận thành lập chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của ngân hàng thương mại	B-NHA-245990-TT
99.	Thủ tục chấp thuận thành lập văn phòng đại diện ở trong nước của	B-NHA-245999-TT

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC
	ngân hàng thương mại	
100.	Thủ tục chấp thuận thành lập đơn vị sự nghiệp ở trong nước của Ngân hàng thương mại	B-NHA-246019-TT
101.	Thủ tục chấp thuận đủ điều kiện thành lập phòng giao dịch của ngân hàng thương mại	B-NHA-246026-TT
102.	Thủ tục báo cáo việc khai trương hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện và Ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài	B-NHA-246029-TT
103.	Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại	B-NHA-246030-TT
104.	Thủ tục chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại sang địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	B-NHA-183947-TT
105.	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài	B-NHA-187973-TT
106.	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng	B-NHA-187977-TT
107.	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài	B-NHA-187971-TT
108.	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài trong trường hợp hết hạn hoạt động	B-NHA-184020-TT
109.	Thủ tục gia hạn thời gian hoạt động đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam	B-NHA-184012-TT
110.	Thủ tục thay đổi tên chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài	B-NHA-184028-TT
111.	Thủ tục thay đổi mức vốn điều lệ, vốn được cấp chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài	B-NHA-184029-TT
112.	Thủ tục chấp thuận việc chuyển nhượng vốn góp giữa các bên trong ngân hàng liên doanh hoặc giữa các thành viên góp vốn trong ngân hàng 100% vốn nước ngoài	B-NHA-184030-TT
113.	Thủ tục chấp thuận việc chuyển nhượng vốn góp cho đối tác mới ngoài ngân hàng 100% vốn nước ngoài hoặc ngoài ngân hàng liên doanh	B-NHA-184034-TT
114.	Thủ tục chấp thuận việc chuyển nhượng vốn góp trong trường hợp một thành viên góp vốn trong ngân hàng liên doanh hoặc ngân hàng 100% vốn bị mua lại, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách dẫn đến việc hình thành một pháp nhân mới	B-NHA-184040-TT
115.	Thủ tục đổi tên Văn phòng đại diện tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam	B-NHA-184043-TT
116.	Thủ tục chuyển địa điểm văn phòng đại diện tổ chức tín dụng nước ngoài đến một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	B-NHA-184044-TT
117.	Thủ tục gia hạn thời gian hoạt động đối với văn phòng đại diện tổ chức tín dụng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam	B-NHA-183970-TT
118.	Thủ tục chấp thuận nguyên tắc sáp nhập	B-NHA-285056-TT
119.	Thủ tục chấp thuận sáp nhập	B-NHA-285057-TT
120.	Thủ tục chấp thuận nguyên tắc hợp nhất	B-NHA-285058-TT
121.	Thủ tục chấp thuận hợp nhất	B-NHA-285059-TT
122.	Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung, phạm vi hoạt động chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài	B-NHA-184055-TT

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC
123.	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tổ chức tín dụng nước ngoài trong trường hợp tự nguyện chấm dứt hoạt động	B-NHA-184021-TT
124.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài	B-NHA-002297-TT
125.	Thủ tục chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện tổ chức tín dụng nước ngoài trong trường hợp bị thu hồi Giấy phép do vi phạm các điểm a, b, đ khoản 1 Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng hoặc khi tổ chức tín dụng nước ngoài bị phá sản, giải thể	B-NHA-002414-TT
126.	Thủ tục đăng ký và khai trương hoạt động văn phòng đại diện tổ chức tín dụng nước ngoài	B-NHA-002344-TT
127.	Thủ tục báo cáo việc khai trương hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	B-NHA-285010-TT
128.	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn	B-NHA-285009-TT
129.	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần	B-NHA-285008-TT
130.	Thủ tục đồng thời đề nghị bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép	B-NHA-285015-TT
131.	Thủ tục cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	B-NHA-285014-TT
132.	Thủ tục cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	B-NHA-285013-TT
133.	Thủ tục đăng ký nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	B-NHA-285012-TT
134.	Thủ tục cấp lại bản sao Giấy phép từ số gốc cho tổ chức tín dụng phi ngân hàng	B-NHA-285011-TT
135.	Thủ tục chấp thuận thực hiện nghiệp vụ cho thuê vận hành của công ty cho thuê tài chính nhà nước, công ty cho thuê tài chính trực thuộc của tổ chức tín dụng, công ty cho thuê tài chính liên doanh và công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài	B-NHA-003834-TT
136.	Thủ tục chuyển nhượng phần góp vốn của các bên trong Công ty cho thuê tài chính liên doanh	B-NHA-003460-TT
137.	Thủ tục thay đổi nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động của Công ty cho thuê tài chính không phải là công ty cho thuê tài chính cổ phần	B-NHA-003437-TT
138.	Thủ tục thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty cho thuê tài chính không phải là công ty cho thuê tài chính cổ phần	B-NHA-003434-TT
139.	Thủ tục thay đổi mức vốn điều lệ của Công ty cho thuê tài chính không phải công ty cho thuê tài chính cổ phần	B-NHA-003423-TT
140.	Thủ tục thay đổi tên của Công ty cho thuê tài chính không phải là công ty cho thuê tài chính cổ phần	B-NHA-003404-TT
141.	Thủ tục thay đổi tỷ lệ cổ phần của các cổ đông lớn của Công ty tài chính không phải là công ty tài chính cổ phần	B-NHA-003380-TT
142.	Thủ tục chuyển nhượng cổ phần có ghi tên vượt quá tỷ lệ quy định của Ngân hàng Nhà nước của Công ty tài chính không phải là công ty tài chính cổ phần	B-NHA-003378-TT
143.	Thủ tục thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty tài chính không phải là công ty tài chính cổ phần	B-NHA-003369-TT
144.	Thủ tục thay đổi mức vốn điều lệ của công ty tài chính không phải là công ty tài chính cổ phần	B-NHA-003364-TT
145.	Thủ tục thay đổi tên, nội dung, phạm vi, thời hạn hoạt động và Điều	B-NHA-003360-TT

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC
	lệ của công ty tài chính không phải là công ty tài chính cổ phần	
146.	Thủ tục chấp thuận chấm dứt hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong nước	B-NHA-003787-TT
147.	Thủ tục chấp thuận mở chi nhánh, văn phòng đại diện tổ chức tín dụng phi ngân hàng ở nước ngoài	B-NHA-003784-TT
148.	Thủ tục chấp thuận mở chi nhánh, văn phòng đại diện tổ chức tín dụng phi ngân hàng ở trong nước	B-NHA-003776-TT
149.	Thủ tục Tự nguyện chấm dứt hoạt động của chi nhánh tổ chức tài chính quy mô nhỏ	B-NHA-033123-TT
150.	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và hoạt động cho tổ chức tài chính quy mô nhỏ dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	B-NHA-184014-TT
151.	Thủ tục gia hạn giấy phép đối với tổ chức tài chính quy mô nhỏ	B-NHA-184015-TT
152.	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và hoạt động cho tổ chức tài chính quy mô nhỏ dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	B-NHA-183963-TT
153.	Thủ tục thay đổi địa điểm đặt chi nhánh của tổ chức tài chính quy mô nhỏ khác địa bàn tỉnh, thành phố	B-NHA-033370-TT
154.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ của tổ chức tài chính quy mô nhỏ	B-NHA-003697-TT
155.	Thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp của các bên góp vốn trong tổ chức tài chính quy mô nhỏ (đối với tổ chức tài chính quy mô nhỏ dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên)	B-NHA-109409-TT
156.	Thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp của các bên góp vốn trong tổ chức tài chính quy mô nhỏ (đối với tổ chức tài chính là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên)	B-NHA-003695-TT
157.	Thủ tục thay đổi nội dung hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ	B-NHA-003694-TT
158.	Thủ tục thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính quy mô nhỏ	B-NHA-003693-TT
159.	Thủ tục thay đổi mức vốn điều lệ của tổ chức tài chính quy mô nhỏ	B-NHA-003690-TT
160.	Thủ tục thay đổi tên của tổ chức tài chính quy mô nhỏ	B-NHA-003689-TT
161.	Thủ tục gia hạn thời gian khai trương hoạt động chi nhánh của tổ chức tài chính quy mô nhỏ	B-NHA-033062-TT
162.	Thủ tục đăng ký thực hiện giao dịch hoán đổi lãi suất	B-NHA-002151-TT
163.	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng hợp tác xã	B-NHA-225247-TT
164.	Thủ tục thông báo danh sách những người được bổ nhiệm là thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc ngân hàng hợp tác xã	B-NHA-225258-TT
165.	Thủ tục cấp lại bản sao giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng hợp tác xã	B-NHA-225256-TT
166.	Thủ tục chuyển đổi Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương và cấp giấy phép thành lập ngân hàng hợp tác xã	B-NHA-225254-TT
167.	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện khai trương hoạt động phòng giao dịch bưu điện	B-NHA-285039-TT
168.	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện hoạt động tại địa điểm mới đối với phòng giao dịch bưu điện thay đổi địa điểm	B-NHA-285040-TT
169.	Thủ tục chấp thuận nâng cấp phòng giao dịch bưu điện thành phòng giao dịch	B-NHA-285041-TT
I.4	Lĩnh vực cấp phép thành lập và hoạt động Ngân hàng hợp tác xã (TW)	
170.	Thủ tục chấp thuận mở Sở giao dịch, Chi nhánh, Văn phòng đại	B-NHA-003001-TT

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC
	diện của Ngân hàng hợp tác xã	
171.	Thủ tục chấp thuận chấm dứt hoạt động của Sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện của Ngân hàng hợp tác xã	B-NHA-002924-TT
172.	Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện của Ngân hàng hợp tác xã	B-NHA-003017-TT
173.	Thủ tục chấp thuận tăng, giảm vốn điều lệ vượt mức quy định của Ngân hàng hợp tác xã	B-NHA-003000-TT
174.	Thủ tục chấp thuận thay đổi tên của Ngân hàng hợp tác xã	B-NHA-002988-TT
175.	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung hoạt động của Ngân hàng hợp tác xã	B-NHA-003077-TT
I.5	Lĩnh vực hoạt động thanh toán (TW)	
176.	Thủ tục báo cáo biểu phí dịch vụ thẻ mới hoặc điều chỉnh, bổ sung	B-NHA-229154-TT
177.	Thủ tục thu hồi giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	B-NHA-229151-TT
178.	Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (trong các trường hợp: hết hạn; bị thu hồi; sửa đổi, bổ sung và bị mất, bị hư hỏng không sử dụng được)	B-NHA-229147-TT
179.	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	B-NHA-229142-TT
180.	Thủ tục cấp mã tổ chức phát hành thẻ ngân hàng cho các tổ chức phát hành thẻ (gọi tắt là mã BIN)	B-NHA-183659-TT
181.	Thủ tục đăng ký mẫu séc trắng	B-NHA-285018-TT
I.6	Lĩnh vực hoạt động kho quỹ (TW)	
182.	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu của kho tiền	B-NHA-263322-TT
I.7	Thủ tục hành chính khác (TW)	
183.	Thủ tục nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên hoặc mua thêm cổ phần khi nhà đầu tư nước ngoài đã sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng Việt Nam	B-NHA-275200-TT
184.	Thủ tục nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng Việt Nam	B-NHA-278613-TT
185.	Thủ tục nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần và trở thành nhà đầu tư chiến lược nước ngoài của tổ chức tín dụng Việt Nam	B-NHA-278841-TT
I.7.1	Thi đua – Khen thưởng (TW)	
186.	Thủ tục tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ thi đua ngành Ngân hàng	B-NHA-279371-TT
187.	Thủ tục tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc	B-NHA-279383-TT
188.	Thủ tục tặng thưởng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc	B-NHA-279392-TT
189.	Thủ tục tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của Ngân hàng Nhà nước”	B-NHA-279399-TT
190.	Thủ tục tặng thưởng danh hiệu Cờ thi đua của Chính phủ	B-NHA-279410-TT
191.	Thủ tục tặng thưởng Huân chương các loại, các hạng	B-NHA-279412-TT
192.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	B-NHA-279449-TT
193.	Thủ tục tặng thưởng Huy chương	B-NHA-279477-TT
194.	Thủ tục tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lao động	B-NHA-279487-TT
195.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Thống đốc	B-NHA-279497-TT
196.	Thủ tục khen thưởng đột xuất	B-NHA-279505-TT
197.	Thủ tục khen thưởng chuyên đề	B-NHA-279511-TT
198.	Thủ tục khen thưởng cán bộ có quá trình cống hiến	B-NHA-279512-TT
199.	Thủ tục khen thưởng ngoài Ngành	B-NHA-279516-TT
200.	Thủ tục tặng thưởng kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp ngân hàng Việt Nam”	B-NHA-279519-TT

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC
I.7.2	Thanh toán điện tử liên ngân hàng (TW)	
201.	Các tổ chức trực thuộc thành viên tham gia hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng	B-NHA-183951-TT
202.	Rút khỏi hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng	B-NHA-183783-TT
203.	Tham gia thành viên hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng.	B-NHA-183769-TT
204.	Thủ tục thành viên tham gia dịch vụ thanh toán nợ của Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng	B-NHA-183762-TT
205.	Thủ tục tham gia dịch vụ thanh toán giá trị thấp của hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng	B-NHA-183757-TT
I.7.3	Cấp phát, quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số,... (TW)	
206.	Thủ tục cấp chứng thư số	B-NHA-285043-TT
207.	Thủ tục gia hạn chứng thư số	B-NHA-285044-TT
208.	Thủ tục khôi phục chứng thư số	B-NHA-285046-TT
209.	Thủ tục tạm dừng chứng thư số	B-NHA-285045-TT
210.	Thủ tục thu hồi chứng thư số	B-NHA-285047-TT
211.	Thủ tục thay đổi cặp khóa	B-NHA-285048-TT
212.	Thủ tục đề nghị thay đổi mã kích hoạt chứng thư số	B-NHA-285049-TT
I.7.4	Hoạt động của Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (TW)	
213.	Thủ tục thông báo việc ban hành/sửa đổi, bổ sung/ thay thế các chính sách quản lý, quy định nội bộ về mua, bán, xử lý nợ xấu của Công ty quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam	B-NHA-245158-TT
214.	Thủ tục chấp thuận Phương án phát hành trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam	B-NHA-245162-TT
215.	Thủ tục chấp thuận Phương án mua nợ theo giá trị thị trường của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam	B-NHA-245165-TT
216.	Thủ tục chấp thuận Phương án hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam	B-NHA-245167-TT
217.	Thủ tục chấp thuận Phương án góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay là doanh nghiệp của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam	B-NHA-245171-TT
218.	Thủ tục đề nghị chấp thuận thời hạn cụ thể của trái phiếu đặc biệt do Công ty quản lý tài sản phát hành trên 5 năm	B-NHA-284996-TT
219.	Thủ tục đề nghị gia hạn thời hạn của trái phiếu đặc biệt do Công ty quản lý tài sản đã phát hành	
I.8	Thông tin tín dụng (TW)	
220.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng	B-NHA-183792-TT
221.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng trường hợp bị mất, bị cháy toàn bộ	B-NHA-183805-TT
222.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng trường hợp bị rách hoặc bị hư hỏng dưới các hình thức khác	B-NHA-183806-TT
223.	Thủ tục thay đổi nội dung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng	B-NHA-183829-TT
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ	
II.1	Lĩnh vực hoạt động tiền tệ (TW, ĐF)	
224.	Thủ tục đề nghị cấp mới và thu hồi mã khóa truy cập, mã chữ ký	B-NHA-196319-TT

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC
	điện tử tham gia nghiệp vụ chiết khấu tại NHNN	
225.	Thủ tục đề nghị chiết khấu giấy tờ có giá theo phương thức trực tiếp	B-NHA-196303-TT
II.2	Lĩnh vực hoạt động ngoại hối (TW, ĐF)	
226.	Thủ tục Cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác của doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài	B-NHA-263315-TT
227.	Thủ tục đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức kinh tế/tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài..... Thủ tục đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức kinh tế/tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài... Thủ tục đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức kinh tế/tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	B-NHA-254802-TT
228.	Thủ tục cấp lại Giấy phép thu chi ngoại tệ và hoạt động ngoại hối khác của doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài	B-NHA-263345-TT
229.	Thủ tục gia hạn Giấy phép thu chi ngoại tệ và hoạt động ngoại hối khác của doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài	B-NHA-263347-TT
230.	Thủ tục chuyển đổi Giấy phép chu chi ngoại tệ và hoạt động ngoại hối khác của doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài	B-NHA-263348-TT
231.	Thủ tục điều chỉnh giấy phép thu chi ngoại tệ và hoạt động ngoại hối khác của doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài	B-NHA-263377-TT
	Thủ tục đăng ký khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh, trừ khoản vay phát sinh từ hợp đồng nhập khẩu hàng hóa trả chậm	B-NHA-266027-TT
232.	Thủ tục đăng ký khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh	B-NHA-266031-TT
233.	Thủ tục đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh	B-NHA-266035-TT
234.	Thủ tục cấp giấy phép thu ngoại tệ tiền mặt từ xuất khẩu sang Campuchia	B-NHA-183688-TT
II.3	Lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng (TW, ĐF)	
235.	Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện	B-NHA-285042-TT
II.4	Lĩnh vực hoạt động thanh toán (TW, ĐF)	
236.	Thủ tục mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước	B-NHA-265804-TT
III	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH	
III.1	Lĩnh vực hoạt động ngoại hối (ĐF)	
237.	Thủ tục chấp thuận hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt của các ngân hàng được phép	B-NHA-253470-TT
238.	Thủ tục cấp Giấy phép mang vàng khi xuất cảnh định cư ở nước ngoài	B-NHA-258177-TT
239.	Thủ tục chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế	B-NHA-285034-TT
240.	Thủ tục chấp thuận thay đổi, bổ sung đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế	B-NHA-285035-TT
241.	Thủ tục chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế	B-NHA-285036-TT

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC
242.	Thủ tục cấp giấy phép mang tiền của nước có chung biên giới và đồng Việt Nam bằng tiền mặt ra nước ngoài	B-NHA-183641-TT
243.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối ngoại tệ	B-NHA-183667-TT
244.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi đại lý đối ngoại tệ	
245.	Thủ tục cho phép mang tiền của nước có chung biên giới vào các tỉnh nội địa	B-NHA-183715-TT
246.	Thủ tục cấp giấy phép thu Nhân dân tệ tiền mặt	B-NHA-183727-TT
247.	Thủ tục chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế	B-NHA-285031-TT
248.	Thủ tục chấp thuận thay đổi, bổ sung trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế	B-NHA-285032-TT
249.	Thủ tục chấp thuận gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế	B-NHA-285033-TT
250.	Thủ tục chuyển đổi sang văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ	B-NHA-285037-TT
251.	Thủ tục chuyển đổi sang văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ	B-NHA-285038-TT
252.	Thủ tục đăng ký tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư không phải là tổ chức tín dụng	B-NHA-254820-TT
253.	Thủ tục đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư không phải là tổ chức tín dụng	B-NHA-254822-TT
254.	Thủ tục cấp giấy phép mở và sử dụng tài khoản ở ngân hàng tại Lào	B-NHA-183568-TT
255.	Thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ	B-NHA-205490-TT
256.	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ	B-NHA-285083-TT
257.	Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ	B-NHA-285084-TT
258.	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ	B-NHA-205496-TT
259.	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài	B-NHA-205493-TT
260.	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái sản xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài	B-NHA-285085-TT
261.	Thủ tục cho phép thực hiện có thời hạn hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và quốc tế của Ngân hàng Chính sách Xã hội	
262.	Thủ tục cho phép tiếp tục thực hiện các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và quốc tế đã được thực hiện có thời hạn của Ngân hàng Chính sách Xã hội	
263.	Thủ tục cho phép thực hiện có thời hạn hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và quốc tế của Ngân hàng Phát triển Việt Nam	
264.	Thủ tục cho phép tiếp tục thực hiện các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và quốc tế đã được thực hiện có thời hạn của Ngân hàng Phát triển Việt Nam	
III.2	Lĩnh vực cấp phép và thành lập hoạt động ngân hàng (ĐF)	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC
265.	Thủ tục Chấp thuận thực hiện nghiệp vụ cho thuê vận hành của các công ty cho thuê tài chính cổ phần	B-NHA-108984-TT
266.	Thủ tục Thay đổi tỷ lệ cổ phần của các cổ đông lớn của Công ty cho thuê tài chính cổ phần	B-NHA-003617-TT
267.	Thủ tục Thông báo điều kiện khai trương hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	B-NHA-188105-TT
268.	Thủ tục chấp thuận sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép đối với Ngân hàng thương mại cổ phần (không bao gồm Ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ).	B-NHA-183837-TT
269.	Thủ tục chấp thuận nhân sự dự kiến bổ nhiệm Tổng giám đốc của Ngân hàng thương mại cổ phần	B-NHA-183848-TT
270.	Thủ tục chuẩn y danh sách ứng cử viên làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát ngân hàng thương mại cổ phần	B-NHA-183858-TT
271.	Thủ tục chấp thuận việc tăng vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần	B-NHA-183866-TT
272.	Thủ tục chấp thuận việc mua lại cổ phần làm giảm vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần	B-NHA-183891-TT
273.	Thủ tục chấp thuận việc chuyển nhượng cổ phần của ngân hàng thương mại cổ phần	B-NHA-183897-TT
274.	Thủ tục chấp thuận thành lập Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc ngân hàng thương mại cổ phần	B-NHA-104452-TT
275.	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần	B-NHA-002020-TT
276.	Thủ tục Chấp thuận đủ điều kiện khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước của ngân hàng thương mại	B-NHA-246032-TT
277.	Thủ tục Chấp thuận thay đổi tên chi nhánh trong nước của ngân hàng thương mại	B-NHA-246035-TT
278.	Thủ tục báo cáo về việc đổi tên phòng giao dịch của Ngân hàng thương mại	B-NHA-246037-TT
279.	Thủ tục Chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch của ngân hàng thương mại	B-NHA-246039-TT
280.	Thủ tục Chấp thuận thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch của ngân hàng thương mại	B-NHA-246042-TT
281.	Thủ tục Chấp thuận cho ngân hàng thương mại tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch	B-NHA-246043-TT
282.	Thủ tục chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	B-NHA-183843-TT
283.	Thủ tục thay đổi tên, nội dung, phạm vi, thời gian hoạt động và Điều lệ của Công ty tài chính cổ phần	B-NHA-107533-TT
284.	Thủ tục thay đổi mức vốn điều lệ của công ty tài chính cổ phần	B-NHA-107987-TT
285.	Thủ tục thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty tài chính cổ phần	B-NHA-108004-TT
286.	Thủ tục chuyển nhượng cổ phần có ghi tên vượt quá tỷ lệ quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của Công ty tài chính cổ phần	B-NHA-108208-TT
287.	Thủ tục thay đổi tỷ lệ cổ phần của các cổ đông lớn của Công ty tài chính cổ phần	B-NHA-108234-TT
288.	Thủ tục thay đổi tên của Công ty cho thuê tài chính cổ phần	B-NHA-108302-TT
289.	Thủ tục thay đổi mức vốn điều lệ của Công ty cho thuê tài chính cổ phần	B-NHA-108351-TT
290.	Thủ tục thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty cho thuê tài chính cổ phần	B-NHA-108447-TT

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC
291.	Thủ tục thay đổi nội dung, phạm vi và thời gian hoạt động của Công ty cho thuê tài chính cổ phần	B-NHA-108512-TT
292.	Thủ tục chuyển nhượng cổ phần có ghi tên kể từ lần chuyển nhượng đầu tiên vượt quá 20% vốn điều lệ của công ty cho thuê tài chính cổ phần	B-NHA-003615-TT
293.	Thủ tục đăng ký mở Phòng giao dịch của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	B-NHA-003825-TT
294.	Thủ tục thay đổi tên chi nhánh của tổ chức tài chính quy mô nhỏ	B-NHA-033230-TT
295.	Thủ tục thay đổi địa điểm đặt chi nhánh của tổ chức tài chính quy mô nhỏ cùng địa bàn tỉnh, thành phố	B-NHA-109043-TT
296.	Thủ tục mở chi nhánh của tổ chức tài chính quy mô nhỏ	B-NHA-033398-TT
297.	Thủ tục mở, thay đổi tên và/hoặc địa điểm, chấm dứt hoạt động phòng giao dịch của tổ chức tài chính quy mô nhỏ cùng địa bàn tỉnh, thành phố	B-NHA-033140-TT
298.	Thủ tục thông báo điều kiện khai trương hoạt động của ngân hàng hợp tác xã	B-NHA-225260-TT
III.3	Lĩnh vực cấp phép thành lập và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân (ĐF)	
299.	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập quỹ tín dụng nhân dân	B-NHA-284991-TT
300.	Thủ tục cấp bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân từ sổ gốc trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy hoặc hư hỏng	B-NHA-284992-TT
301.	Thủ tục chấp thuận mở phòng giao dịch, Quỹ tiết kiệm của Ngân hàng hợp tác xã	B-NHA-002994-TT
302.	Thủ tục chấp thuận mở phòng giao dịch, Quỹ tiết kiệm của Quỹ tín dụng nhân dân	B-NHA-002986-TT
303.	Thủ tục chấp thuận chấm dứt hoạt động phòng giao dịch, Quỹ tiết kiệm của Ngân hàng hợp tác xã	B-NHA-002917-TT
304.	Thủ tục chấp thuận chấm dứt hoạt động phòng giao dịch, Quỹ tiết kiệm của Quỹ tín dụng nhân dân	B-NHA-002912-TT
305.	Thủ tục chấp thuận thay đổi Trưởng ban kiểm soát và các thành viên trong ban kiểm soát của Quỹ tín dụng nhân dân	B-NHA-003122-TT
306.	Thủ tục thu hồi Giấy phép trong trường hợp chia Quỹ tín dụng nhân dân	B-NHA-003036-TT
307.	Thủ tục tách Quỹ tín dụng nhân dân	B-NHA-003023-TT
308.	Thủ tục thu hồi giấy phép trong trường hợp hợp nhất Quỹ tín dụng nhân dân	B-NHA-003044-TT
309.	Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của Quỹ tín dụng nhân dân	B-NHA-003022-TT
310.	Thủ tục thu hồi Giấy phép trong trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân bị phá sản	B-NHA-003059-TT
311.	Thủ tục chấp thuận tăng, giảm vốn điều lệ vượt mức quy định của quỹ tín dụng nhân dân	B-NHA-003007-TT
312.	Thủ tục thu hồi Giấy phép trong trường hợp sáp nhập Quỹ tín dụng nhân dân	B-NHA-003068-TT
313.	Thủ tục thu hồi Giấy phép trong trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân giải thể tự nguyện theo Nghị quyết của Đại hội thành viên	B-NHA-003075-TT
314.	Thủ tục chấp thuận thay đổi tên của Quỹ tín dụng nhân dân	B-NHA-002995-TT
315.	Thủ tục hợp nhất Quỹ tín dụng nhân dân	B-NHA-002940-TT
316.	Thủ tục chia Quỹ tín dụng nhân dân	B-NHA-002929-TT
317.	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung hoạt động của Quỹ tín dụng	B-NHA-003078-TT

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC
	nhân dân	
318.	Thủ tục chấp thuận thay đổi phạm vi hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân	B-NHA-003082-TT
319.	Thủ tục chấp thuận thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân	B-NHA-003100-TT
320.	Thủ tục sáp nhập Quỹ tín dụng nhân dân	B-NHA-003012-TT
321.	Thủ tục chấp thuận thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị của Quỹ tín dụng nhân dân	B-NHA-003107-TT
322.	Thủ tục chấp thuận thay đổi Giám đốc của Quỹ tín dụng nhân dân.	B-NHA-003132-TT
III.4	Lĩnh vực hoạt động thanh toán (ĐF)	
323.	Thủ tục tham gia thanh toán bù trừ điện tử liên ngân hàng	B-NHA-183782-TT
III.5	Tín dụng các ngành kinh tế (ĐF)	
324.	Thủ tục đề nghị xóa nợ đối với tổ chức đầu mối thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng	B-NHA-279520-TT
325.	Thủ tục đề nghị khoan nợ đối với tổ chức đầu mối thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng ;	B-NHA-279521-TT
326.	Thủ tục đề nghị khoan nợ đối với tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên phạm vi rộng;	B-NHA-279522-TT

B. DANH MỤC TTHC KHÔNG THỰC HIỆN QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC
I	THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG	
I.1	Lĩnh vực mã ngân hàng	
1.	Thủ tục cấp mã ngân hàng	B-NHA-285054-TT
2.	Thủ tục hủy bỏ mã ngân hàng	B-NHA-285053-TT
3.	Thủ tục điều chỉnh thông tin ngân hàng	B-NHA-285055-TT
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH	
II.1	Lĩnh vực hoạt động tiền tệ	
4.	Thủ tục đề nghị chiết khấu giấy tờ có giá theo phương thức gián tiếp	B-NHA-196315-TT
II.2	Lĩnh vực hoạt động kho quỹ	
5.	Thủ tục đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông do quá trình lưu thông và do lỗi kỹ thuật của nhà sản xuất	B-NHA-252124-TT
6.	Thủ tục đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông do quá trình bảo quản đủ điều kiện đổi, không cần giám định	B-NHA-252166-TT
7.	Thủ tục đề nghị giám định tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông	B-NHA-252171-TT
8.	Thủ tục giám định tiền giả, tiền nghi giả	B-NHA-252184-TT